

BÀN VỀ GIÁ TRỊ SỐNG VÀ VIỆC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO THẾ HỆ TRẺ HIỆN NAY

Vũ Công Hào

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Giá trị sống nằm trong hệ giá trị chung của nhân loại và mỗi dân tộc. Trên cơ sở khái lược các giá trị sống cơ bản, cốt lõi của con người, trong đó có người Việt Nam qua các thời đại, bài viết đưa ra những tìm hiểu, nhận xét bước đầu về giá trị sống của người Việt Nam hiện tại cùng các biện pháp tăng cường giáo dục giá trị sống cho thế hệ trẻ hiện nay.

Từ khóa: Giá trị sống, giáo dục giá trị sống, hệ thống giá trị chung của nhân loại, hệ thống giá trị chung của các quốc gia.

Nhận bài ngày 2.5.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 21.6.2022

Liên hệ tác giả: Vũ Công Hào; Email: vchao@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giá trị sống là một phạm trù triết học - xã hội - đạo đức - nhân cách có tính chuẩn mực, định hình, dẫn dắt sự phát triển của mỗi con người và cả xã hội loài người. Việc xác định rõ nội hàm và thực chất của giá trị sống không đơn giản. Giá trị sống không nhất thành bất biến, nó hình thành và thay đổi theo từng giai đoạn phát triển của xã hội loài người nói chung. Giá trị sống cũng không phải là các nhu cầu cơ bản hay phẩm chất, điều kiện thiết yếu về vật chất và tinh thần của con người truyền thống và hiện đại, xưa và nay mà chúng ta có thể liệt kê, viện dẫn hàng loạt để bảo rằng nó là như vậy. Các nhu cầu cơ bản hay phẩm chất, điều kiện thiết yếu đó chỉ là biểu hiện của giá trị sống. Giá trị sống cũng không phải là “quyền được sống” hay “điều đáng sống” gói ghém trong nó thực tế đầy nỗ lực để vươn tới, đạt được điều đó của con người. Hiểu theo nghĩa rộng rãi và hợp lý hơn cả thì giá trị sống là sự đúc kết triết lí, quan niệm, nhận thức của con người về thế thái nhân tình, về năng lực và ước vọng của bản thân, thể hiện qua và bằng thái độ, hành động, lối sống thực tiễn. Như thế, giá trị sống trước hết gắn với quan điểm, quan niệm cá nhân, được định hình bởi mỗi cá nhân; là lí do và động lực sống của cá nhân trước những biến động thăng trầm của thế cuộc. Phạm trù giá trị sống không mang ý nghĩa vật chất hay tinh thần mà là *nhận thức, quan niệm*; do vậy không thể đong đếm, xét đoán. Tuy nhiên, do con người là “tổng hòa của các mối quan hệ xã hội” theo ý kiến của Marx, nên giá trị sống cũng mang tính cộng đồng, xã hội. Sự trùng hợp, tương đồng trong cách hiểu về giá trị sống, trong lối sống của một hay nhiều nhóm cá nhân trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ quan điểm, lối sống cá nhân tạo nên tính xã hội, tính

triết lí, tính phổ biến và nhất quán. Và chỉ khi giá trị sống mang tính xã hội, nó mới nằm trong phạm vi trao đổi, tranh luận của các trường phái, quan điểm xã hội, nhân sinh.

2. NỘI DUNG

2.1. Biểu hiện giá trị sống của con người qua trường kì lịch sử

Lịch sử xã hội loài người đến nay đã phát triển qua 5 giai đoạn, gắn với nó là 5 cơ cấu tổ chức xã hội, 5 mô hình, thiết chế nhà nước cụ thể: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Nhận thức, nhu cầu, khát vọng của con người, đương nhiên, cũng thay đổi, phát triển tương ứng. Tuy vậy, con người không phải là một cỗ máy cơ học hay một sản phẩm, vật dụng toàn năng mà chỉ cần thay đổi một vài chi tiết về mẫu mã hay tính năng là đã có thể thích ứng với hoàn cảnh và môi trường mới. Trong tính lịch sử - xã hội - thời đại cụ thể của nó, con người luôn bị gò ép, buộc phải tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực chung của cả cộng đồng; lại thường xuyên bị dẫn dụ, mê hoặc, thậm chí bị điều khiển bởi các học thuyết tư tưởng, tôn giáo. Thế nên, về cơ bản, các giá trị sống của con người được định hình, lưu truyền từ đời này qua đời khác, thời đại này sang thời đại khác đều là và phải là các giá trị phổ quát, của cộng đồng. Song, ngoài bản chất xã hội - thời đại thì tâm lí, ý thức của con người như đã nói, còn mang tính cá nhân; có xung năng và biểu hiện trái ngược với các tiêu chí, chuẩn mực xã hội; phổ biến và kiên định một cách kiêu hãnh, không bị áp đặt hay cuốn theo sự biến đổi của thời đại. Phần lớn các nhà nghiên cứu và nói chung mọi người ngày nay đều cho rằng tiêu chí, chuẩn mực giá trị sống của con người thời cổ đại là phải như, theo gương (bắt chước) thần thánh, sánh ngang thần thánh; song thực tế không hoàn toàn là vậy. Sự có mặt của yếu tố thần thánh trong tâm thức và đời sống cộng đồng không chỉ biểu hiện sự sơ giản, ấu trĩ của tư duy, nhận thức cổ đại; mà còn là một cách giải thích, biện minh tạm thời cho những bí ẩn và thách thức mà trí tuệ, khả năng con người khi đó bất lực, không lí giải được hay không thể vượt qua, chiến thắng được. Uyên nguyên, con người cổ đại cũng như con người hiện đại ngày nay đều có mong ước, khát vọng được sống đàng hoàng như một kẻ “trượng phu”, một “người anh hùng”, hơn thế, một “thủ lĩnh” giữa trần thế, có thể đối mặt và vượt qua bất cứ khó khăn thử thách nào bằng lí trí, bản lĩnh của chính mình hơn là bằng sự trợ giúp của thần thánh siêu nhiên hay ngoại vật ngoại cảnh. Bằng chứng là, nổi bật lên trên cái nền đậm đặc yếu tố thần thánh siêu nhiên của các thần thoại sử thi cổ đại, bên cạnh sức mạnh siêu phàm của “á thần” Achilles, còn có sự bất khuất của Hector, trí tuệ của Odysseus, khí phách của Rama,... Những thôi thúc bản năng nguyên sơ mang theo khát vọng thống trị của giống loài theo thuyết tiến hóa của Charles Darwin (1809-1882) thường nằm ngoài tác động của ngoại cảnh, của các yếu tố mà người ta thường bảo là “ngẫu nhiên” như “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Thế nên, giá trị sống trước hết nằm ở ý thức, nhận thức, quan niệm, sự lựa chọn của mỗi con người chứ không chỉ ở những “giáo luật” hay “định chế” tư tưởng, tinh thần xã hội. Nho giáo dạy người ta “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, song đâu phải ai cũng đều sẵn sàng “nằm gai nếm mật”, đêm ngày “dùi mài kinh sử” để mong có ngày “nhập thế”, làm quan,... Vẫn còn vô khối kẻ khiêm nhường, biết mình biết người, ẩn cư, tránh xa bon chen tục lụy, thanh thoi và ung dung giữ cái đạo sống “tự nhiên nhi nhiên” của riêng mình. Bảo rằng mục đích tối cao và không gì khác của

các tôn giáo lớn xưa nay là “khuyến thiện”, song chính “thần quyền”, “ý Chúa” u mê đã chìm châu Âu vào đêm trường Trung cổ suốt mười thế kỉ; sự hà khắc và hệ thống giáo lí cực đoan của Hội giáo đã tàn phá ý thức về “bản ngã”, “nhân quyền” của hàng triệu tín đồ trên toàn thế giới và đang là “điểm nóng” về mâu thuẫn, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tư tưởng ngày nay,... Rõ ràng, tính “quang minh chính đại” của các “định chế” hay học thuyết tư tưởng, tôn giáo đôi khi cũng chỉ là một thứ hình thức giáo điều, mị dân, được và bị sử dụng, lợi dụng vào các mục đích chính trị, phục vụ các thể chế hay quyền lực nhất thời.

Là vấn đề thuộc về nhận thức, mà cơ chế nhận thức (cũng là cơ chế phát triển của ý thức, tư tưởng,...) của con người, trên thực tế, thường trải qua ba giai đoạn: 1) Sự thắng lợi của lý trí, của tinh thần phê phán, đấu tranh với các thành kiến; 2) Sự mất niềm tin vào ý kiến cá nhân mình; 3) Thối nghi kĩ, sự lầm lạc gia tăng và ngày càng phổ biến. Đứng ở góc độ nhận thức luận, dễ nhận thấy cơ chế này có chiều hướng trái ngược với tư duy, tinh thần phản biện, phủ định khoa học vốn là cơ sở, động lực phát triển của xã hội loài người, nền văn minh loài người; nhưng thực tế là khi đã mất niềm tin vào ý kiến của cá nhân mình, khi thối nghi kĩ, sự lầm lạc gia tăng, toàn bộ nền tảng đời sống tinh thần xã hội, trật tự kỉ cương sẽ rối loạn; sự tồn vong của một thể chế, một đất nước sẽ bị đe dọa. Bởi thế, xem xét biểu hiện giá trị sống của con người qua các thời kì, giai đoạn lịch sử, có thể thấy các giá trị sau có tính ổn định, bền vững với mọi biến động:

* *Sống có lý trí.* Lịch sử phát triển của xã hội loài người đi từ đấu tranh sinh tồn đến làm bá chủ, thay đổi vạn vật. Nếu không có lý trí, con người khó có sự tỉnh táo để nhận ra mình đang ở đâu, có thể làm gì và cần phải hành động thế nào để đạt được mong muốn, ước vọng. Giá trị lớn nhất của lý trí chính là sự suy xét, cân nhắc và chọn lựa các cơ hội, hành động, khả năng, lợi ích,... phù hợp với bản thân mình trong mọi hoàn cảnh, kể cả những hoàn cảnh, tình thế bất lợi nhất. Lý trí tạo nên bản lĩnh, sự tự tin, là động lực thúc con người sáng tạo, hành động và phát triển. Lý trí, với sự tỉnh táo kiên định và khả năng suy xét tuyệt vời của nó, thôi thúc con người hành động có mục tiêu, có chủ ý, sẵn sàng dấn thân trên con đường mình đã lựa chọn mà không quản ngại gian khổ thử thách. Sống có lý trí là phẩm chất, giá trị trường tồn của những con người chân chính xưa nay, chẳng hạn các nhà hiền triết, các bậc minh quân, các nhà tư tưởng, nhà khoa học lớn,... Nếu không có lý trí, Aesop đã mãi mãi là một kẻ nô lệ, đầu phải là một trong những “bộ óc thông thái” nhất của Hy Lạp cổ đại, tác giả của những câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng về nhân tình thế thái và thói đời, lẽ đời muôn thuở vẫn truyền tụng đến ngày nay. Lý trí đã tạo nên những Platon, Aristoteles, Socrates,... để giúp nhân loại lần đầu vén bức màn nhập nhòa duy tâm và duy vật; đã từng tạo nên những Thales, Pythagoras, Auclid, Archimedes,... đặt nền móng cho toán học, đến thời kì Phục hưng lại tiếp tục tạo nên Mikolaj Kopernik (1473-1543), Galileo Galilei (1564-1642) để mang “Thuyết Nhật tâm” đương đầu với Giáo hội, thần quyền. Bất chấp sự hoài nghi và những lời kết tội, thóa mạ,... lời tuyên bố “Nhưng dù sao trái đất vẫn quay” của Galileo Galilei khi rời khỏi Tòa án Giáo hội đã mở ra chân trời mới cho sự phát triển của ngành “thiên văn học”, “vật lý học”, và nói chung, như nhận xét của Stefan Hawking (1942-2018), của cả “nền khoa học hiện đại”. Tất nhiên, lý trí có tính hai mặt. Nếu kiêu hãnh một cách

ngạo nghễ mù quáng, nó sẽ mất đi sự tinh táo, sáng suốt, rất dễ đẩy con người tới giới hạn của những tư tưởng, quyết sách, hành động cực đoan, bảo thủ, độc đoán chuyên quyền. Nhân loại từ thời cổ đại đã có nhiều bài học từ các cuộc chiến tranh cướp của cải nô lệ, có các “ngu quân” ở phương Đông, các hoàng đế độc tài tàn bạo ở phương Tây, có cả cơn thịnh nộ bị dối lừa phản bội cần nạng Scheherazade hóa giải suốt “Nghìn lẻ một đêm” của ông vua Ả-rập Shahryār, ... Tuy vậy, lại cũng có những thái tử Hamlet trăn trở “sống hay không sống” để rồi vẫn quyết định đứng lên, cầm vũ khí chống lại sự phũ phàng của số phận dù có phải chết; có “quí ngài” Don Quijote gàn dở đánh nhau với “cối xay gió” trong ảo tưởng chiến đấu với những gã khổng lồ vì trượng nghĩa; có gã tù khổ sai Jean Valjean được cảm hóa, sám hối trong khuôn mặt, hành động đức độ và từ tâm của ông thị trưởng Madeleine, ...

Sự bừng tỉnh của lý trí đánh dấu sự “thức ngộ” của nhận thức, kiên định của tư tưởng. Nó không những không bị phụ thuộc, cuốn theo dòng chảy tư tưởng hỗn độn của thời đại, mà còn có khả năng kiến tạo một thời đại mới, một sự đột phá có tính bước ngoặt cho sự phát triển của ý thức hệ nhân loại trong hành trình tìm kiếm, khám phá xung lực tự thân. Lý trí không tạo ra hoàn cảnh, nhưng giúp con người biết chờ đợi và biết tận dụng cơ hội để thực hiện mục đích, lí tưởng sống của mình. Trước kia Tần Thủy Hoàng đã dùng lý trí và sự tàn bạo để thống nhất Trung Hoa; G. Washington lập nên Hợp chủng quốc Hoa Kỳ; R. Tagore từ bỏ phú quý để trở thành người hợp nhất tư tưởng, văn hóa, tôn giáo Ấn Độ; Lỗ Tấn bỏ nghề thầy thuốc chữa bệnh cho một số người để đi chữa “căn bệnh tinh thần” cho muôn người, ... Có thể nói, hầu hết các bậc quân vương, các nhà hiền triết, nhà tư tưởng, văn hóa lớn của nhân loại, ... đặc biệt, các lãnh tụ cách mạng của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới thời đại mới đều là những người có lý trí sáng suốt, sự kiên định và tầm tư duy chiến lược sâu rộng. Người sống có lý trí nói chung sẽ ít nhiều hạn chế thua thiệt trong việc hòa đồng và hưởng thụ những lạc thú thường tình của cuộc sống, khá khô khan, ít bày tỏ trực tiếp cảm xúc; nhưng bù lại, họ có chính kiến rõ ràng và biết tạo dựng cuộc sống, dẫn dụ người khác theo ý mình. Chỉ có đi theo sự dẫn dắt của lý trí, của sự tinh táo xét đoán và khát vọng tìm tòi, khai mở, ... nhân loại mới được khai sáng và phát triển, dù con đường phát triển ấy có nhiều chông gai.

* *Sống có niềm tin.* Con người, tự trong vô thức hay tiềm thức, ai cũng có niềm tin vào một điều gì đó. Không có niềm tin, con người như mất chỗ dựa vừa vô hình vừa chắc chắn để bám víu. Tự tạo cho mình một niềm tin, biến nó thành “đức tin” thành kính và thiêng liêng về một sự “cứu rỗi”, được “ban thưởng”, ... nào đó sau khi “rời cõi tạm” là sự u mê chung của các tín đồ, con chiên, đạo hữu trên toàn thế giới xưa nay. Tính chất “yếm thế”, “cực đoan” “mị dân” từng bị Marx cực lực phê phán của các tôn giáo này đâu phải bây giờ mới rõ. Tuy vậy, cái “phép thắng lợi tinh thần” tưởng tượng và mù quáng mà các tôn giáo lớn đã gieo rắc, chốt định trong tâm thức ngót một nửa nhân loại này không phải không có hạt nhân hợp lý của nó. Theo giáo thuyết Phật học, Đức Phật Thích ca Mâu ni trước khi viên tịch đã “tự giải thoát hoàn toàn khỏi quy luật sinh tử luân hồi, hiểu rõ được sự vận hành của thế giới xung quanh, đồng thời truyền bá kinh nghiệm giác ngộ của mình cho người khác để họ có thể tự chấm dứt khổ đau bản thân, có được hạnh phúc tối thượng” [1]; còn theo dân

gian, Ngài là người có quyền năng vô biên trong việc khuyến thiện, thu phục, cảm hóa cái ác. “Tây du kí” của Ngô Thời Ân và nhiều “huyền sử” khác về Thích ca Mâu ni, Quan Thế âm Bồ tát,... ở phương Đông đã nói đến điều này. Kinh Thánh của Kitô giáo cũng có “huyền thoại” tương tự. Đặc biệt, trong Tân ước, khi đối mặt với viên Tổng trấn La mã Ponti Pilate ở Judea trước khi bị kết tội và hành hình cùng hai tên kẻ cướp trên núi Gogotha, gã thợ mộc, nhà “triết học lang thang” Iesua Ha-Notxri (Iesua theo tiếng Aramei nghĩa là Đức Chúa - Sự cứu vớt, một tên gọi khác của Jesu; Ha-Notxri nghĩa là “quê ở Nazaret” - thành phố quê hương của Jesu) đã không hề run sợ mà kháng khái khẳng định: “... ngôi đền của lòng tin cũ sẽ sụp đổ, và ngôi đền mới của chân lý sẽ được dựng lên” [dẫn theo 2, tr.374]. “Ngôi đền của lòng tin cũ” là ám chỉ quyền lực, sự thống trị bạo tàn của đế chế La Mã; còn “ngôi đền mới” của “chân lý” ấy là sự thật, là mong muốn về một thế giới không còn cái ác, kẻ ác,... của loài người. Từ đây, chúng ta có thể đồng ý rằng mọi tôn giáo tín ngưỡng đều có tính “ảo tưởng”, mơ hồ, không trực tiếp giải quyết được các vấn đề của thực tiễn; song không thể phủ nhận rằng nó chính là thứ sức mạnh tinh thần lớn nhất giúp con người tồn tại, không bị khuất phục trước bất cứ áp lực hay sự ngáng trở, uy hiếp nào của cường quyền.

Trong các niềm tin của con người, niềm tin vào ý kiến cá nhân mình là quan trọng nhất, bởi người đó không chỉ có chính kiến, tự chủ, biết kiểm soát bản thân mình, mà còn biết mình cần gì, đã chuẩn bị gì và phải làm thế nào, nghĩa là tự tin, có lòng quyết tâm và biết xây dựng kế hoạch để đạt được mục đích. Các nhà cách mạng, các nhà khoa học, người ngay thẳng can trường là những người có niềm tin như vậy. Họ biết được cuộc đời đấu tranh cách mạng là gian khổ, hiểm nguy “dấn thân vô là phải chịu tù đày; là gươm kề cổ, súng kề tai; là thân sống chỉ coi còn một nửa” (Tố Hữu), nhưng vẫn kiên định đi theo con đường đã chọn, bởi họ có niềm tin vào chính nghĩa, vào sự tất thắng của dân tộc và sự đóng góp, hi sinh của mình. Không có niềm tin, hẳn Kopernik, Galilei, Tom Edison, Einstein và cả những người như Stefen Hawking sau này khó có những phát minh tạo đà cho sự phát triển của khoa học nhân loại. Albert Einstein đã từng nói: “Trong khoa học không có con đường nào bằng phẳng. Chỉ những kẻ không sợ mỗi gồi chùn chân, dũng cảm bước lên sự khúc khuỷu quanh co của nó mới mong đạt đến đỉnh cao của khoa học”.

Sự “khủng hoảng niềm tin”, “mất niềm tin” có tác hại lớn hơn bất cứ sự khủng hoảng nào, bởi từ đó, nảy sinh sự nghi kị, đố kị, hiểu lầm, ghen ghét và thù địch. Khi đó, mỗi quốc gia dân tộc, mỗi con người hoặc là thu mình lại cố thủ hoặc gây chia rẽ, lôi kéo bè cánh để nói xấu, vu khống, công kích, triệt hạ bên kia, phá vỡ mối quan hệ liên minh đoàn kết thống nhất hữu hảo đã có. Nhân loại đã bao phen chia rẽ, trật tự thế giới đã từng chia tách thành các đối cực. Sự thù địch, chiến tranh sắc tộc và bạo loạn vẫn đang diễn ra ngay trong thời đại sự bình đẳng, văn minh và nhân quyền được coi trọng, đề cao. Tất cả những điều này cho thấy ý nghĩa, giá trị lớn lao của niềm tin trong suốt quá trình tồn tại, phát triển của mỗi cộng đồng và toàn nhân loại. Trong các thiết chế, tổ chức xã hội, khi quần chúng mất niềm tin vào tầng lớp lãnh đạo hoặc ngược lại, thế chế sẽ sụp đổ, kỉ cương sẽ lung lay, trật tự sẽ hỗn loạn. Trong gia đình, vợ chồng con cái mất niềm tin vào nhau, cuộc sống sẽ là thảm họa. Bởi thế, sẽ là không quá đáng khi nói rằng, cần xây dựng “niềm tin chiến lược” vào nhau và

vào bản thân mình. Nếu có niềm tin thì không chỉ mỗi con người, mà mượn cách nói của K.Marx, mọi dân tộc trên thế giới đều có thể “liên hiệp lại”, cùng chung sống bình đẳng, cùng phát triển hài hòa thịnh vượng.

* *Sống là đấu tranh, mưu cầu hạnh phúc*. K.Mark từng trả lời con gái: “Hạnh phúc là đấu tranh”. Đấu tranh theo Mark, vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản thế giới, là đấu tranh vì sự tiến bộ của xã hội, vì tự do hạnh phúc của nhân loại, vì sự phát triển khách quan của khoa học và tư duy biện chứng,... Còn theo nghĩa rộng rãi và phổ biến hơn, đấu tranh là để sinh tồn và phát triển. Thuở hồng hoang, con người đã phải đấu tranh chống lại thiên nhiên và các loài thú dữ. Khi xã hội phân quyền, con người phải đấu tranh với cường quyền và sự bất công nô dịch. Bất luận sống ở thời đại nào, dưới chính thể nào, con người cũng phải đấu tranh với những thế lực đe dọa quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc chính đáng của mình. Đấu tranh để sinh tồn và phát triển, do đó, đã trở thành ý thức tự thân, tựa hồ như một thứ bản năng thường trực trong mỗi con người và cả nhân loại. Những nghịch lý, bất bình đẳng trong phân chia quyền lợi; sự áp bức, thống trị của kẻ mạnh với kẻ yếu, tình trạng người bóc lột người,... vốn là phổ biến trong mọi hình thái xã hội xưa nay. Thế nên, nhân loại đã mất hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm để đấu tranh xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai, sự nô dịch cả về thể xác lẫn tinh thần của tôn giáo và cường quyền. Đến nay, dù nhân loại đã phát triển lên tầm cao mới, con người đã đủ trí tuệ để chế ngự tự nhiên, điều phối các mối quan hệ đa chiều, đã thăm dò, khởi kết bước đầu các mối quan hệ liên/xuyên hành tinh, xuyên vũ trụ, thời gian, không gian,... nhưng lại phải đối mặt với những vấn đề phức tạp mới. Một thế giới phân cực hay đa cực (cho dù cân bằng hay không cân bằng, đồng đều hay không đồng đều...) đều thúc đẩy sự cạnh tranh, phát triển; nhưng đồng thời cũng phá vỡ sự ổn định nội tại của nhân loại trong hành trình vận động hướng tới sự tiến bộ văn minh của nó. Chủ nghĩa Sô-vanh nước lớn, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, sự trỗi dậy của các nhóm sắc tộc, tôn giáo cực đoan,... cùng sự biến đổi môi trường sinh thái, đại dịch,... đang một lần nữa gây bất ổn và đe dọa sự tồn vong của xã hội loài người.

Đấu tranh để hướng tới sự bình đẳng, cùng chung sống và phát triển đã khó, song đấu tranh với chính bản thân mình còn khó hơn. Trạng thái cân bằng giữa con người xã hội và con người cá nhân sẽ bị phá vỡ khi con người cá nhân, với sự vị kỷ, sự bất bình hay bất lực, sự mất kiểm soát, điều tiết lí trí, dục vọng,... trỗi dậy. Khi đó mọi nền tảng trật tự, nguyên tắc nguyên lý tổ chức gia đình, xã hội, cộng đồng,... mà cá nhân là hạt nhân, thành viên, cũng sẽ bị phá vỡ theo, rơi vào hỗn loạn. Không phải ngẫu nhiên, Nho giáo lại đề cao sự “tu thân”, bởi phải “tu thân” con người mới có thể giữ được mình là mình; biết vai trò giá trị của bản thân mình, giữ được thăng bằng trong cuộc xung đột muôn thuở giữa thiện và ác, tốt và xấu, nhu cầu và khả năng, bổn phận và trách nhiệm,... Việc hướng tới một xã hội tốt đẹp, đảm bảo tất cả các giai cấp được thỏa mãn nhu cầu sinh sống và văn hóa trên cơ sở lao động tự nguyện “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” như Henri de Saint Simon (1760-1825), Charles Fourier (1772-1837), Robert Owen (1771-1858) từng đề xướng từ hai trăm năm trước, trên thực tế, chỉ là một ước nguyện thơ ngây; bởi nó trái với cả quy luật sinh tồn tự

nhiên lẫn mô hình, thể chế xã hội thực tiễn. Tư tưởng cá nhân vị kỉ vốn nằm sâu trong tiềm thức của mỗi người, mang đặc tính giống loài; nên cuộc đấu tranh với nó là cuộc đấu tranh tự thân bên trong, dài lâu, âm thầm, quyết liệt, không có luật pháp và trọng tài. Phần thưởng cho người chiến thắng trong cuộc đấu tranh với chính mình này chỉ là một giá trị, một nhân cách, một thứ gọi là “phẩm giá”, “thiên lương”, đủ để con người sống đàng hoàng, kiêu hãnh, không hổ thẹn.

2.2. Giá trị sống của con người Việt Nam trước đây và hiện nay

Việt Nam trước nay là một nước nhỏ, không có các nhà tư tưởng, các học thuyết chính trị hay tôn giáo lớn, không có các phát minh khoa học tâm cỡ có ý nghĩa tác động, ảnh hưởng quan trọng đến trật tự và bước đường phát triển của nhân loại; song nhiều giá trị sống của người Việt Nam đã trở thành niềm tự hào và là bài học, tấm gương cho nhiều dân tộc trên thế giới noi theo.

* *Khát vọng độc lập tự cường.* Nằm ở vị trí địa lý, địa chính trị, địa văn hóa đặc biệt của khu vực Đông Nam Á, Việt Nam từ xa xưa đã thường xuyên bị các thế lực ngoại bang nhòm ngó, xâm chiếm. Hiếm có một dân tộc nào qua một nghìn năm Bắc thuộc, ngót trăm năm bị thực dân Pháp đô hộ, hơn hai mươi năm chống Mỹ cùng các cuộc chiến tranh biên giới kéo dài đến gần hết thế kỉ XX lại tồn tại, đứng vững và kiên cường như thế. Được xác lập từ thời các vua Hùng, khát vọng độc lập tự cường của người Việt Nam qua thực tiễn lịch sử trường kì dựng nước và giữ nước, không chỉ là một “đặc tính”, “phẩm cách”, mà còn là một giá trị bất diệt của dân tộc. Chính khát vọng ấy đã giúp cha ông ta lần lượt chiến đấu và chiến thắng các đội quân xâm lược hùng mạnh và tàn bạo nhất. Còn nhớ, khi vó ngựa của đội quân xâm lược Thành Cát Tư Hãn tung hoành khắp châu Âu và giày xéo nước Nga ngót hai thế kỉ (XIII - XV), thì cuộc hành tiến xuống phương Nam của giặc Nguyên Mông đã ba lần bị chặn lại, không những thế, còn bị thảm bại nhục nhã ở một quốc gia nhỏ bé là nước Đại Việt dưới thời vua tôi nhà Trần. Âm hưởng vang vọng từ bài *Thơ thần* của Lý Thường Kiệt hòa cùng hào khí Đông A ngút trời đã đập tan, chôn vùi dã tâm bành trướng ngàn đời của kẻ thù phương Bắc khi đó. Tinh thần, khí phách ấy, hai trăm năm sau còn kết thành tư tưởng nhân nghĩa sáng ngời, thành phương sách chủ đạo “*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo*”, thành sự xác quyết rõ ràng một lần nữa: “*Như nước Đại Việt ta từ trước/ Vốn xưng nền văn hiến đã lâu/ Núi sông bờ cõi đã chia/ Phong tục Bắc, Nam cũng khác*” trong *Đại cáo bình Ngô* - bản hùng ca tổng kết mười năm oanh liệt chống giặc Minh - của Nguyễn Trãi,... Có thể nói, suốt chiều dài lịch sử bốn nghìn năm, ngay ở những thời điểm đen tối, bế cực nhất, khát vọng độc lập tự cường vẫn bùng cháy âm ỉ; nó giúp chúng ta không bị đồng hóa, thực dân hóa, lai căng, đánh mất bản sắc; nó nuôi dưỡng lòng yêu nước và tinh thần chiến đấu vì độc lập tự do trong mỗi con người; nó tạo thành truyền thống, thành động lực cho sự vươn lên quật khởi của dân tộc.

Tất nhiên ai cũng biết, mọi cuộc chiến tranh, từ cổ đại đến hiện đại, đều gắn liền với chết chóc, đau thương, điêu tàn và kéo theo nhiều hệ lụy dài lâu. Cả dân tộc Việt Nam từ già đến trẻ, từ xưa đến nay, đều hiểu rõ điều ấy. Để có được những thời khắc “*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa*” (ý thơ trong bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi), cả dân tộc đã phải trả biết bao

xương máu và nước mắt, đã nhiều lần bị chìm xuống tận đáy của đau thương và đói nghèo, kiệt quệ. Song nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* năm 1946: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng; nhưng chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới”; bởi thế: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Có thể nói, những năm tháng chiến tranh khốc liệt kéo dài; thời kì hậu chiến bị bao vây cấm vận đầy khốn khó; tình thế mắc kẹt giữa thế giới đa cực do sự trở mặt, xoay trục của các nước lớn; biến đổi khí hậu, môi trường sinh thái cùng đại dịch; nguy cơ bùng phát trở lại của chiến tranh,... tất cả những vấn đề trọng yếu này đều không xa lạ với người Việt. Nó chỉ càng giúp chúng ta nhận thức rõ hơn, củng cố vững chắc hơn ý thức độc lập tự cường kiên định và đáng tự hào ấy

* *Tinh thần đoàn kết*. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc đã chứng minh cho nhân loại thấy rằng, chỉ có sự đoàn kết chung sức đồng lòng trên dưới trong ngoài muôn người như một mới tạo thành sức mạnh giúp các dân tộc nhược tiểu, yếu thế như Việt Nam tồn tại, chống chọi và chiến thắng các thế lực ngoại bang hùng mạnh. Thời nhà Trần, nhà Hậu Lê, nếu không có quyết tâm của các vị bô lão và tinh thần “Tướng sĩ một lòng phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”,... chúng ta đâu có kì tích ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông lừng lẫy; đâu có thể khiến lũ giặc Minh về đến nước còn “hồn xiêu phách lạc, tim đập chân run”. Sự đoàn kết không chỉ xóa bỏ mọi hiềm khích chia rẽ; gắn kết lòng yêu nước và ý thức độc lập tự cường sẵn có trong mỗi con người, mà còn tạo thành sức mạnh bất khả chiến bại trước mọi kẻ thù. Chúng ta yêu chuộng và mong muốn hòa bình, nhưng nếu bị xâm lăng, cả dân tộc Việt Nam sẵn sàng đánh giặc đến người cuối cùng. Cái khí phách, tinh thần: “Đánh cho nó chích luân bất phản/ Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn/ Đánh cho nó biết sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” của người anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ năm xưa đã trở thành tiêu điểm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu và dựng xây đất nước suốt thế kỉ XX. Dưới sự tập hợp, lãnh đạo của Đảng, cả dân tộc đã viết lên những trang sử vàng chói lọi, trở thành “lương tri”, “phẩm giá” của cả loài người tiến bộ. Là phẩm chất, là truyền thống tốt đẹp qua bao đời, bước sang thế kỉ XXI, đoàn kết còn là mệnh lệnh của cả dân tộc và mỗi người Việt Nam khi đối mặt với những cơ hội và thách thức mới. Chỉ có đoàn kết, chúng ta mới có thể giải quyết hài hòa các mối quan hệ phức tạp của thực tại đang biến động khó lường, mới giữ vững sự ổn định và phát triển của đất nước. Đoàn kết, cả trong bối cảnh trước đây và hiện nay, luôn là một trong những giá trị cốt lõi bảo đảm sự sống còn và phát triển của cả dân tộc.

* *Lòng nhân ái*. Ngay trong những năm kháng chiến chống Mỹ gian khổ đầy mất mát đau thương, nhà thơ Tố Hữu đã từng phác dựng khái quát về chân dung đất nước, lịch sử đất nước qua những ý thơ giản dị mà kiêu hùng: “Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững/ Lung đeo gươm tay mềm mại bút hoa/ Trong và thật sáng hai bờ suy tưởng/ Sống hiên ngang mà nhân ái chan hòa”. Thật vậy, người Việt Nam từ bao đời đã có truyền thống “Lá lành đùm lá rách”, “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”, “Thương người như thể thương thân”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”,... Xuất phát từ tư tưởng “nhân nghĩa” rất riêng, nét đẹp bình dị, cao quý của lòng nhân ái Việt Nam thể hiện ở chỗ, nó không chỉ dung dưỡng và

nuôi lớn tâm hồn mọi thế hệ người dân đất Việt, kết gắn họ thành một cộng đồng sẽ chia yêu thương đầy ân tình; mà còn ở sự độ lượng, từ tâm, khoan dung với kẻ thù và những người lầm lỗi. Nhìn lại lịch sử, xét những tội ác tày trời “trúc Lam Sơn không ghi hết tội, nước Đông Hải không rửa sạch mùi” mà giặc Minh đã gây ra, mới thấy hiếm có một cách hành xử nào của người chiến thắng với kẻ chiến bại (đi bộ thì ta cho ngựa, đi thủy thì ta cho thuyền,...) lại nhân ái, khoan hòa tuyệt đỉnh đến vậy.

Người Việt Nam yêu thương, gắn bó, sẵn sàng sẽ chia giúp đỡ đồng bào mình, đó là điều đương nhiên; nhưng chúng ta còn sẵn sàng làm nhiệm vụ quốc tế, giúp đỡ các nước bạn khi họ khó khăn hoạn nạn ngay cả khi chính chúng ta cũng còn đang khó khăn hoạn nạn. Không có cuộc chiến đấu kiên cường và sự hy sinh vô bờ của người Việt Nam, cục diện thế giới thế kỉ XX sẽ không thay đổi, sẽ không có một Campuchia được hồi sinh sau thảm họa diệt chủng, không có một nước Lào đoàn kết; không có một ASEAN ổn định, hướng tới sự phát triển thịnh vượng, không có những người lính mũ nồi xanh mang cờ đỏ sao vàng tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình tận Phi châu xa xôi hôm nay. Yêu người cũng là yêu mình, giúp người cũng là tự giúp mình, Phật giáo đã dạy thế. Với người Việt Nam, lòng nhân ái là thứ tình cảm thường trực, tự thân, không đòi hỏi điều kiện; nó có mặt mọi lúc, mọi nơi, ngay trong những tháng ngày gian lao kháng chiến, trong thời hòa bình dúc sức dựng xây, trong cuộc chiến bèn bi với thiên tai và dịch bệnh; có trong mọi con người, từ già đến trẻ, từ những chiến sĩ áo xanh áo trắng đến những người lao động bình thường cuộc sống còn chưa hết vất vả lo toan. Nhân ái là cốt cách, là tâm hồn dân tộc, là một giá trị sống cần trân trọng, giữ gìn. Được kết tinh từ những thăng trầm, biến động qua trường kì lịch sử như thế, ở một vị trí địa lý, địa chính trị, địa văn hóa phức tạp như thế, những giá trị sống cơ bản của người Việt Nam trên trở nên bền vững, gắn liền với uy tín và vị thế dân tộc.

2.3. Sự cần thiết giáo dục giá trị sống cho thế hệ trẻ

Giáo dục giá trị sống, đặc biệt cho thế hệ trẻ, là nhiệm vụ hệ trọng, căn cốt, cần thực hiện thường xuyên, lâu dài, nhằm tạo dựng, xác lập và củng cố một hệ thống giá trị văn hóa tinh thần dân tộc ổn định vững chắc, đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập. Nhiệm vụ này càng trở nên cấp thiết trước những chuyển biến mau lẹ và khó lường của tình hình thế giới, khu vực và ngay cả trong nước những năm gần đây. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thường xuyên nhắc nhở Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ cách mạng quan tâm tới việc giáo dục giá trị sống cho không chỉ thế hệ trẻ. Tuy nhiên, chủ trương, chiến lược giáo dục nói chung, giáo dục giá trị sống những năm gần đây nói riêng còn thiếu triết lí, tư tưởng cốt lõi; thiếu tính nhất quán và đồng bộ; nặng giáo điều, chưa bám sát thực tiễn của từng giai đoạn, thời kì. Dễ nhận thấy những dấu hiệu của sự lúng túng, trì trệ trong cơ chế chính sách tổ chức quản lý điều hành vĩ mô của bộ máy nhà nước; sự thoái hóa tư tưởng, đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ viên chức; sự khủng hoảng lý tưởng và phai nhạt niềm tin vào thiết chế và bộ máy công quyền của nhiều người dân. Để lấy lại niềm tin vào Đảng, vào sự ổn định và phát triển lâu dài của đất nước, cần khơi gợi lại niềm tự hào dân tộc và giáo dục, hình thành các giá trị sống mới như một sự tiếp nối phù hợp, không đứt đoạn các giá trị cũ. Các giá trị sống mới cần hình thành, giáo dục hiện nay, theo tôi, bao gồm:

* *Ý thức thượng tôn pháp luật.* Giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật là hoạt động giáo dục bắt buộc và cần thiết để mọi công dân tuân thủ, phục tùng luật pháp; phòng tránh và ngăn chặn các nguy cơ, dấu hiệu vi phạm pháp luật. Quốc có quốc pháp, gia có gia phong. Mọi thiết chế, kỉ cương, trật tự xã hội - đạo đức, thậm chí cả đời sống bình thường của mỗi con người, sẽ đều bị đảo lộn nếu đánh mất sự “thượng tôn” pháp luật. Xây dựng, ban hành Hiến pháp và pháp luật là công việc của cơ quan lập pháp; triển khai, điều hành việc thực thi Hiến pháp và pháp luật là nhiệm vụ của cơ quan hành pháp; còn việc tuân thủ pháp luật vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội và mỗi người dân. Đương nhiên, “thượng bất chính, hạ tắc loạn”; sự nghiêm minh của luật pháp, trách nhiệm tuân thủ luật pháp chỉ có thể được bảo đảm từ cả hai phía: sự nghiêm minh của bộ phận hành pháp và sự tuân thủ, tán thành của nhân dân. Không khó để nhận thấy trong đời sống xã hội và ý thức của một bộ phận giới trẻ hiện tại sự lơ là, thiếu tuân thủ, thậm chí coi thường, bất chấp pháp luật. Tất nhiên, điều này không có nghĩa là giới trẻ thiếu hiểu biết về pháp luật và không ý thức được những hậu quả nghiêm trọng sẽ xảy ra nếu vi phạm pháp luật. Sự mất niềm tin của giới trẻ vào tính nghiêm minh của việc thực thi luật pháp, vào bộ phận hành pháp, sự “nhờn” luật là có thật. Thế nên, tỉ lệ phạm tội trong thanh thiếu niên, học sinh sinh viên những năm gần đây đã không còn là nguy cơ mà đang hiện hữu, ngày càng trẻ hóa, không ngừng gia tăng, ngày càng tinh vi và tàn bạo hơn. Chưa bao giờ người ta thấy nạn bạo lực học đường, sự ức hiếp và các hành vi côn đồ, vô văn hóa, bất chấp pháp luật lại phổ biến, công khai, ngang nhiên mọi lúc mọi nơi đến như vậy. Các đại biểu quốc hội và có lẽ, các tầng lớp nhân dân nói chung, đều nhận thấy điều bất hợp lí là chúng ta đang sống trong một “rừng luật”, nhưng có vẻ như các nguyên tắc giao tiếp, hành xử của xã hội và cá nhân trong cộng đồng lại đang diễn ra theo “luật rừng”. Vậy căn nguyên của thực trạng đáng báo động này là ở đâu và cần làm gì để lấy lại sự nghiêm minh của luật pháp? Việc “đốt lò” sẽ còn phải kéo dài đến bao giờ và bao giờ mới hết củi?...

Đảng, Chính phủ đang ráo riết thiết lập lại kỉ cương bằng việc “cho vào lò” tất cả những “than củi” mục ruỗng tha hóa; nghiêm trị mọi tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật dưới bất kì hình thức nào, ở thời kì giai đoạn nào. Một không gian “không có vùng cấm” cho việc tái lập sự nghiêm minh của luật pháp đã được mở ra và bước đầu đã chứng minh được hiệu quả. Những chủ trương, hành động ấy buộc ngành Giáo dục cũng phải thay đổi nội dung, cách thức giáo dục, tuyên truyền pháp luật khô khan, cứng nhắc và “chiếu lệ” trước đây. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật không nên chỉ dừng ở những buổi, tuần sinh hoạt chính trị đầu/cuối năm học, khóa học hay một vài buổi tọa đàm, nói chuyện pháp luật, phát tờ rơi,... mà cần đa dạng hóa với nhiều hình thức, cách thức khác nhau. Cũng không nhất thiết phải đưa giáo dục pháp luật vào chương trình chính thức của nhà trường mọi cấp học bởi nó sẽ gây ra sự ô mồm, nặng nề, làm loãng mục đích và trọng tâm của giáo dục phổ thông. Toàn bộ các kiến thức giáo dục về pháp luật, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ hay tai nạn lao động,... chỉ nên xây dựng thành một chuyên đề hay một tập tài liệu nhỏ với các chỉ dẫn, hình ảnh, cảnh báo hậu quả và các hình thức, biện pháp xử lí, xử phạt... cụ thể, sinh động. Đồng thời, song song với việc giảng dạy lý thuyết các

môn học, cần bố trí hợp lí các giờ học trải nghiệm bằng nhiều hình thức khác nhau: Tổ chức các câu lạc bộ, chiếu phim ảnh tư liệu, đưa người học đến dự các phiên tòa, các công trình công trường, cơ sở hành pháp, cơ sở sản xuất chế biến,... có liên quan đến nội dung chuyên đề để nắm bắt và học tập từ thực tiễn. Hình thức học trải nghiệm, ngoại khóa này rất phổ biến ở các nước có nền giáo dục phát triển, tiên tiến. Để phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật hay an toàn giao thông, người ta thậm chí còn công khai các hình thức, mức độ xử phạt hay hình ảnh về tai nạn giao thông ở các cung đường, điểm nút hay xảy ra tai nạn, không chỉ để cảnh báo mà còn để phòng tránh, răn đe. Học thông qua trải nghiệm, bằng trải nghiệm thực tiễn có nhiều hiệu quả tích cực; tiếc rằng giáo dục nước nhà hiện nay chưa bố trí, sắp xếp hợp lí, cân đối được vấn đề này.

* *Lý tưởng, đạo đức cách mạng.* Không thể phủ nhận một thực tế là thế hệ trẻ hiện nay đang bị mất định hướng, phai nhạt lý tưởng, đạo đức cách mạng trầm trọng. Lý tưởng, đạo đức cách mạng ở đây cần hiểu một cách linh hoạt, không chỉ là tinh thần đấu tranh cách mạng kiên định, sẵn sàng hi sinh thân mình để cống hiến, phục vụ Tổ quốc và nhân dân,... mà cụ thể, trong bối cảnh mới, là nhân cách và lối sống lành mạnh, là sự ngay thẳng trung thực, không dối trá vụ lợi, là tinh thần phê và tự phê, dũng cảm đấu tranh với mọi sự phi lí, bất bằng đang có chiều hướng khó kiểm soát trong đời sống. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến hiện tượng này, trong đó nguyên nhân xã hội, khách quan là chủ yếu. Tính thực tế thực dụng, tư duy nhiệm kì, sự tranh thủ mọi cơ hội để kiếm tiền, mà vì nó, người ta sẵn sàng đánh đổi hay bán rẻ nhân phẩm đang là phổ biến. Đã có sự quay trở lại ở mức độ công nhiên hơn của sự cửa quyền, đặc lợi “một người làm quan, cả họ được nhờ”; đồng thời với nó là sự coi trọng các mối quan hệ ma qui ngầm hơn là trí tuệ. Thật thảm hại khi trí tuệ chỉ xếp hạng bét trong chuỗi “nhất hậu duệ, nhì đồ đệ, ba quan hệ, bốn tiền tệ, năm trí tuệ” như dân gian đồn đại hiện thời. Từ đây, có thể thấy, môn *Đạo đức công dân* vẫn đang dạy ở nhà trường phổ thông cho thế hệ trẻ cần bớt răn dạy giáo điều và tăng tính thực tiễn. Cần cung cấp cho người học những vấn đề, chứng liệu xác thực từ thực tiễn để họ nắm bắt và có sự lựa chọn quan điểm, hình mẫu, lối sống phù hợp; cần nêu gương, khuyến khích và đề cao những tấm gương tích cực, vô tư, hết mình phấn đấu vì lợi ích của xã hội, nhân dân của những người tốt, trung thực. Giáo dục văn hóa lí tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ phải bắt đầu từ chính những vấn đề liên quan, tác động trực tiếp tới cảm nhận của họ hiện tại và ý đồ, dự đồ trong tương lai. Những bê bối, lùm xùm dẫn đến việc phải kỉ luật, bỏ tù nhiều quan chức cao cấp trong bộ máy hành pháp thời gian qua cho thấy những lỗ hổng cơ chế cần kịp thời ngăn chặn. Thế hệ trẻ, thanh niên, học sinh, sinh viên sẽ nghĩ thế nào, định hướng tương lai của mình thế nào khi thấy sự tham nhũng cửa quyền vẫn tiếp tục hoành hành, số lượng quan chức vào tù quá nhiều, các tập đoàn kinh tế lớn do nhà nước điều hành, cấp vốn thua lỗ nặng, triền miên; ra trường thất nghiệp đồng loạt hoặc may mắn đi làm thì lương thấp, không đúng chuyên ngành được đào tạo. Sự giáo điều, lên gân cốt trong nỗ lực khơi dậy, động viên tinh thần của người dạy trong nhà trường đã không thể khóa lấp, xóa bỏ được tâm trạng băn khoăn, hoài nghi về cái chân giá trị của cuộc sống và viễn cảnh tương lai của thế hệ trẻ hiện nay. Cốt lõi của lí tưởng là niềm tin, mà niềm tin thường được tạo

dựng trên cơ sở thực tiễn. Mọi sự biện minh, đổ lỗi cho hoàn cảnh hay cho sự hạn chế về năng lực tổ chức quản lý điều hành của người lớn khi vi phạm pháp luật đều khó thuyết phục, khó được người trẻ tuổi chấp nhận. Giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng trong bất cứ thời điểm nào cũng đều khó khăn, nan giải; vì thế, cần có chiến lược và các phương pháp, hình thức phù hợp. Sự mất định hướng, phai nhạt lý tưởng, niềm tin của thế hệ trụ cột nước nhà trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển vững mạnh đang rất cần một quyết sách thay đổi tổng thể có tính cách mạng thực sự hơn là một kế hoạch hay chương trình.

* *Khát vọng sáng tạo khởi nghiệp.* Sáng tạo khởi nghiệp hiện đang là một phong trào thu hút sự quan tâm, chú ý, tham gia hào hứng của tuổi trẻ cả nước. Tiên thân của phong trào này là các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật của học sinh, sinh viên do Bộ GD&ĐT và Trung ương Đoàn tổ chức, nay có thêm sự tham gia của các Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật cấp Trung ương và địa phương, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước. Phong trào sáng tạo khởi nghiệp hiện nay đã được triển khai rộng khắp, đã tập hợp được đông đảo những người trẻ tuổi có óc sáng tạo và niềm đam mê nghiên cứu. Tuy kết quả nghiên cứu của đội ngũ này còn khiêm tốn, giá trị và hiệu quả ứng dụng vào đời sống xã hội của chúng chưa như kì vọng, nhưng những ý tưởng, đề xuất của họ rất đáng trân trọng, khuyến khích và cần được đầu tư lâu dài. Đây chính là nguồn lực trí tuệ tiềm tàng bổ sung cho đội ngũ trí thức khoa học, cho nền khoa học kỹ thuật của nước nhà trong tương lai. Giáo dục, khơi gợi và hỗ trợ, bảo trợ cho khát vọng sáng tạo khởi nghiệp của thế hệ trẻ là hình thức “đầu tư” an toàn và hiệu quả nhất, vừa đáp ứng nhu cầu sáng tạo của tuổi trẻ, vừa phù hợp mục tiêu, định hướng phát triển bền vững đất nước giai đoạn mới. Đảng, Nhà nước cần tạo ra bầu trời rộng mở cho những cánh chim thỏa sức bay lượn; song những cánh chim cũng cần biết cách tạo ra một bầu trời cho riêng mình.

* *Ý thức trách nhiệm với cộng đồng.* Gắn kết cộng đồng là truyền thống văn hóa đặc thù của dân tộc. Biểu hiện rõ rệt nhất của sự gắn kết cộng đồng chính là ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân với cộng đồng. Trên tinh thần “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, bao nhiêu năm qua, người dân cả nước đã chung sức đồng lòng chia sẻ và giúp đỡ những người yếu thế, cô đơn, gặp khó khăn hoạn nạn trong cuộc sống. Minh chứng cho truyền thống tốt đẹp này, không phải tìm kiếm đâu xa, chính là sự góp sức chung tay của cả nước trong cuộc chiến cam go nhằm ngăn chặn và đẩy lùi đại dịch covid 19. Thật cảm động khi thấy bao người tự nguyện, tự giác chấp hành quy định phòng chống, cách ly; bao bác sĩ, chiến sĩ rời bỏ gia đình, tạm biệt mẹ già con thơ, dấn thân vào vùng dịch để chữa trị cho mọi người. Tuy vậy, vẫn có nhiều người vô cảm, thờ ơ, thậm chí còn lợi dụng thời điểm khó khăn này để trục lợi. Vụ kit test Việt Á, vụ các nghệ sĩ có chút ít tiếng tăm thiếu minh bạch trong quyền tiền từ thiện, các vụ ăn chặn tiền chế độ chính sách, tiền hỗ trợ của người dân,... dù chỉ là phần nổi của tảng băng chìm, nhưng đã trực tiếp tàn phá nỗ lực của cả cộng đồng, ngang nhiên xúc phạm phẩm giá dân tộc, phẩm giá của những con người tự trọng, tâm huyết và tràn đầy tình yêu thương. Hơn bao giờ hết, cùng với chế tài trừng phạt thích đáng các phần tử này, chúng ta càng cần phải đề cao, trân trọng và giáo dục sâu rộng ý thức trách nhiệm

với cộng đồng cho tất cả mọi người, nhất là cho thế hệ trẻ. Bởi chỉ có như vậy, nền tảng đạo đức và trật tự xã hội mới được giữ vững, ý nghĩa của tinh thần “mình vì mọi người, mọi người vì mình” mới được phát huy đầy đủ.

Giáo dục và đào tạo là một quá trình, đòi hỏi sự tham gia phối hợp đồng bộ của nhiều cấp ngành và toàn xã hội. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (ban hành năm 2018) đánh dấu sự đổi mới có tính bước ngoặt của nền giáo dục nước nhà trong kì vọng đào tạo ra một thế hệ mới, đủ năng lực và trình độ để đáp ứng những yêu cầu mới của thời đại. Tuy vậy, chương trình đặt trọng tâm là rèn luyện, phát triển kĩ năng, năng lực của người học là chính, do đó, có phần coi nhẹ điều cơ bản, cốt lõi, gốc gác là cần coi trọng, tiếp tục giáo dục, tô rèn lý tưởng, đạo đức, nhân cách của con người mới, trong thời đại mới.

3. KẾT LUẬN

Có lẽ, đã đến lúc cần giáo dục giá trị sống cho thế hệ trẻ hiện nay và mai sau bằng thực tiễn và chứng liệu cụ thể chứ không phải chỉ bằng lý thuyết và tinh thần chung của thời đại. Diễn biến phức tạp của tình hình thế giới từ cuối thế kỉ XX đến những năm gần đây đã cho thấy, chỉ có dân tộc nào kiên định lý tưởng độc lập tự chủ, giữ gìn được bản sắc và truyền thống, nỗ lực phát triển và yêu chuộng hòa bình mới có thể tồn tại vững chắc. Giáo dục giá trị sống không chỉ để “giữ lấy nước” như Hồ Chủ tịch đã căn dặn mà chính là để khẳng định truyền thống, tạo tiền đề vững chắc để phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mikhail Bulgakov (Đoàn Tử Huyền dịch) (1998), *Tuyển tập văn xuôi*, Nxb. Văn học.
2. Nhiều tác giả (2008), *Người Việt - Phẩm chất và thói hư, tật xấu*, Nxb. Thanh niên.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 585/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2022 ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030 của ngành Giáo dục”*.

DISCUSSING AND EDUCATING LIFE VALUES FOR YOUNG PEOPLE IN TODAY’S SOCIETY

Abstract: *The value of life belongs to the common value system of human beings and every nation. The article discusses important life values and Vietnamese people's views on the right value of life. On this basis, we discuss the core life values that teach today's youth.*

Keywords: *The values of life, teach youth life values, the common value system of human, the common value system of nations.*